

Bản án số: 05/2019/HS-ST
Ngày 17 - 01 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Phương;
2. Bà Lý Thị Mỹ Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Trọng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 và ngày 17 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 130/2018/TLST-HS, ngày 15 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Đặng Hoàng N, sinh năm 1981 tại tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Tổ 10, ấp Tân T, xã Tân Th, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Công chức địa chính xã; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Thế T, sinh năm 1950 và bà Phan Thị N, sinh năm 1956; có vợ tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1982, con có 02 người, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Chưa bị xử lý vi phạm hành chính lần nào và chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự lần nào.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01-8-2017; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Hoàng N:

1. Luật sư Nguyễn Thị Hằng - Văn phòng luật sư Hằng Nguyễn, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2. Luật sư Nguyễn Ngọc Lâm – Văn phòng luật sư Công Anh, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

3. Luật sư Võ Văn Trà – Văn phòng luật sư Việt Nhật, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị Ngọc P, sinh năm 1963; cư trú tại: Số 132, ấp Thạnh H, xã Thạnh Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; cư trú tại: Tổ 10, ấp Tân T, xã Tân Th, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. Đại diện Ủy ban nhân dân xã Tân Hà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có ông Đỗ Thiết L; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Hà; sinh năm 1976; cư trú tại: ấp Hội T, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người làm chứng:

1. Ông Đào Ngọc H, sinh năm 1962; cư trú tại: Tổ 6, khu phố 2, thị trấn Tân C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Chị Huỳnh Thị Hoàng O, sinh năm 1984; cư trú tại: Ấp Thạnh H, xã Thạnh Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. Ông Nguyễn Thành P, sinh năm 1974; cư trú tại: Số 162, khu phố 3, thị trấn Tân C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

4. Anh Hồ Quốc V, sinh năm 1992; cư trú tại: Ấp Hội A, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Trần Thị Ngọc P, sinh năm 1963, trú tại ấp Thạnh H, xã Thạnh Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh quen biết với ông Đào Ngọc H, sinh năm 1962, trú tại khu phố 2, thị trấn Tân C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh nên bà P có nhờ ông H giúp đỡ trong việc làm hồ sơ, thủ tục đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích khoảng 5,1 ha tại xã Tân Hà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Khoảng tháng 5/2016, ông H cùng với Đặng Hoàng N là cán bộ địa chính xã Tân Hà đến nhà bà P, tại đây ông H giới thiệu N là cán bộ địa chính xã Tân Hà để bà P nhờ N làm thủ tục đổi giấy chứng nhận diện tích 5,1 ha thành 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Một giấy có diện tích 30.000 m² chuyển từ tên bà P sang tên cho con gái của là chị Huỳnh Thị Hoàng O; 01 giấy có diện tích 17.193,1 m² và 01 giấy có diện tích 4.406,7 m² do bà P đứng tên thì N đồng ý và thỏa thuận làm xong 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong thời gian 02 tháng với số tiền bà P phải đưa cho N là 8.000.000 đồng, do không có tiền nên bà P mượn của con gái là chị O 4.000.000 đồng, loại tiền mệnh giá 500.000 đồng đưa trước cho N có sự chứng kiến của ông Đào Ngọc H.

Thời gian đã hơn 02 tháng, nhưng không thấy N giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đã thỏa thuận, nên bà P và chị O đã nhiều lần điện thoại cho N yêu cầu làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bà P vay tiền ở ngân hàng nhưng vẫn không có. Đến ngày 27/7/2016, chị O nhờ ông Nguyễn Thành P là bạn đi cùng chị O đến quán ăn Cây Điều thuộc xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh để gặp ông Đỗ Thiết L là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Hà mà trước đó ông P đã điện thoại hẹn trước với ông L để nhờ ông L tác động cho N làm nhanh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P. Khoảng đầu tháng 8/2016, N trực tiếp đến nhà bà P và giao cho bà P 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp đổi diện tích 30.000 m² đứng tên chị Huỳnh Thị Hoàng O và bà P tiếp tục đưa cho N số tiền 3.000.000 đồng, còn lại 1.000.000 đồng bà P và N thống nhất sẽ đưa cho N khi làm xong 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn lại. Thời gian đã lâu nhưng không thấy N giao 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn lại như đã thỏa thuận, nên ngày 10/02/2017 bà P làm Tờ tường trình tố cáo hành vi của N đến Công an huyện Tân Châu. Ngày 08/3/2017, khi cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh mời N đầu giờ chiều cùng ngày đến Công an huyện làm việc, thì khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày N điện thoại cho anh Hồ Quốc V là Công an viên xã Tân Hà mang hồ sơ đất diện tích 4.406,7 m² của bà P tại UBND xã Tân Hà đến gặp N tại Công an huyện, tại đây N đưa cho V một phong bì có số tiền 7.000.000 đồng và hồ sơ đất trên đến nhà bà P trả lại.

Trong quá trình điều tra, Đặng Hoàng N thừa nhận số tiền 7.000.000 đồng do bà Trần Thị Ngọc P đưa cho N vào sáng ngày 07/3/2017, sau đó N đã thông báo cho lãnh đạo cơ quan và trả lại cho bà P, nên cho rằng hành vi của bị cáo không phạm tội.

Ngoài ra, bà Ngô Thị Thu D, ông Nguyễn Việt C khai: Năm 2016, D đưa cho N 2.000.000 đồng, C đưa cho N 10.000.000 đồng để N làm hồ sơ, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị Tuyết H, cho chị, em của ông C, nhưng N không thừa nhận có nhận tiền của bà D, ông C.

Vật chứng vụ án thu giữ gồm: Bản phô tô hồ sơ liên quan đến đất đai thu giữ của Ngô Thị Thu D; 02 đĩa DVD ghi lại hình ảnh và nội dung làm việc với bà Trần Thị Ngọc P và ông Đào Ngọc H; tiền Việt Nam 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) do bà P giao nộp; 01 đĩa DVD ghi hình nội dung thực nghiệm điều tra.

Vụ án trước đây đã được Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử tại bản án số: 81/2017/HSST ngày 12/12/2017.

1. Tuyên bố bị cáo Đặng Hoàng N phạm tội “Nhận hối lộ”.

Áp dụng khoản 1, Điều 279; khoản 2, Điều 46 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đặng Hoàng N 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/8/2017.

Áp dụng khoản 5, Điều 279 Bộ luật Hình sự: Cấm bị cáo Đặng Hoàng N làm công tác địa chính trong thời hạn 05 (năm) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Trả lại cho bà Trần Thị Ngọc P số tiền 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Số tiền này đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/11/2017.

- Hai (02) đĩa DVD ghi lại hình ảnh và nội dung làm việc với bà Trần Thị Ngọc P và ông Đào Ngọc H của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh lưu vào hồ sơ vụ án.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 98, 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Đặng Hoàng N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm xét xử bị cáo Đặng Hoàng N kháng cáo cho rằng Tòa án sơ thẩm xét xử oan bị cáo.

Tại bản án số: 53/2018/HS-PT, ngày 06-6-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh hủy án sơ thẩm, do cấp sơ thẩm điều tra chưa đầy đủ mà cấp sơ thẩm không thể bổ sung được. Cần hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại theo thủ tục chung.

Cáo trạng số: 126/CT - VKSTC, ngày 14/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh truy tố: Đặng Hoàng N về tội “Nhận hối lộ”, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 354; điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đặng Hoàng N từ 02 năm đến 03 năm tù về tội “Nhận hối lộ”.

Áp dụng khoản 5 Điều 354 Bộ luật Hình sự: Cấm bị cáo Đặng Hoàng N làm công tác địa chính trong thời hạn 01 năm đến 05 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Về biện pháp tư pháp, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, Luật sư Võ Văn Trà bào chữa cho bị cáo N cho rằng, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh chỉ căn cứ vào lời khai của bà P, chị O và ông H khai đưa cho N số tiền 4.000.000 đồng tại nhà của bà P và sau đó bà P tiếp tục đưa cho N 3.000.000 đồng để khởi tố N về tội “Nhận hối lộ” là suy đoán, các lời khai của những người này không khớp nhau về thời gian của sự việc, bị cáo N không có thỏa thuận với bà P trong việc làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; không dùng các lời khai này để buộc tội bị cáo N. Tờ tường trình của bà P nộp tại Công an không mang nội dung tố cáo. Ngày 07/3/2017 bị cáo N có họp hay không không liên quan đến việc chứng minh bị cáo N phạm tội; tố cáo ngày 10/02/2017 nhưng bà P thường xuyên liên lạc với bị cáo N. Tố cáo ngày 10/02/2017 nhưng 02 tháng sau mới khởi tố vụ án là vi phạm thủ tục tố tụng.

Luật sư Nguyễn Thị Hằng trình bày Cáo trạng truy tố bị cáo sai sự thật, bà P chỉ nhờ bị cáo N tách diện tích 30.000m² cho chị O và 15.000m² cấp lại, việc tách giấy đất diện tích này thời gian nhanh hay chậm không biết; bị cáo N không có thỏa thuận với bà P trong việc làm giấy chứng nhận; không có căn cứ xác định bị cáo N nhận tiền 4.000.000 đồng và 3.000.000 đồng, nếu có thì phải truy tố bị cáo N phạm tội theo điểm đ khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự, phạm tội 02 lần trở lên; Địa chính xã không có nhiệm vụ làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P mà việc này do Văn phòng đăng ký đất đai; bị cáo N nhận tiền có báo với lãnh đạo và trả cho bà P do đó bị cáo N không phạm tội.

Trong vụ án này còn bỏ lọt người phạm tội; bà P phạm tội đưa hối lộ theo điểm a khoản 2 Điều 364 Bộ luật Hình sự (có tổ chức), chị O là đồng phạm giúp sức.

Bị cáo N đồng ý với bào chữa của Luật sư, không bổ sung gì thêm.

Bị cáo nói lời nói sau cùng cho rằng, không phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo tuyên bị cáo không phạm tội và trả tự do cho bị cáo về với gia đình vì thời gian bị giam giữ đã lâu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Châu, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với bị cáo N, không đồng ý với Bản kết luận điều tra số 85/KLĐT, ngày 26/9/2017 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh là không có căn cứ, sai sự thật; Cáo trạng số 82/QĐ/KSĐT, ngày 25/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh là không đúng sự thật, phi lý, nên ngày 26/10/2017 bị cáo N đã viết đơn khiếu nại gửi đến Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh để xem xét lại việc truy tố đối với bị cáo. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 02/QĐ-VKS, ngày 02/11/2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu đã bác đơn khiếu nại của bị cáo N, giữ nguyên Cáo trạng số 82/QĐ/KSĐT, ngày 25/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Quá trình điều tra lại bị cáo vẫn khiếu nại như nội dung trên được các cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa phần thủ tục tố tụng bắt đầu phiên tòa, hai Luật sư đề nghị triệu tập người làm chứng Nguyễn Thành P và điều tra viên Nguyễn Minh Phi; điều tra viên Nguyễn Trần Vũ. Hội đồng xét thấy việc triệu tập những người này không cần thiết, không chấp nhận đề nghị của hai Luật sư. Sau khi kết thúc phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, chuyển sang phần tranh tụng hai Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị thay đổi Thẩm phán chủ tọa phiên tòa với lý do không khách qua trong quá trình xét xử, đề nghị này không đúng với khoản 2 Điều 53 Bộ luật Tố tụng hình sự (đã hết phần thủ tục tố tụng tại phiên tòa, những người tham gia phiên tòa không còn quyền này). Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị này của hai Luật sư.

[2] Về hành vi của bị cáo thể hiện: Bị cáo Đặng Hoàng N là công chức xã được tuyển dụng bằng quyết định tuyển dụng của cơ quan có thẩm quyền, sau khi được điều động về nhận nhiệm vụ tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, bị cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân xã phân công, công chức Địa chính – Nông nghiệp – Xây dựng. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong các lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường, giao thông, nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã và công tác xác lập hồ sơ ban đầu cấp đổi, đổi mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp lần đầu về lĩnh vực đất đai ở giai đoạn cấp xã để thực hiện các bước tiếp theo.

Trong khoảng thời gian năm 2013, có chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh và Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu về việc tổng đo đạc xác định diện tích đất trên địa bàn huyện của các hộ dân quản lý sử dụng để tiến hành cấp đổi và cấp mới cho dân. Giữa bị cáo N và bà P không có quen biết, khoảng tháng 5-2016, Đặng Hoàng N

thông qua ông Đào Ngọc H biết được bà P có nhu cầu đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bị cáo N và ông H trực tiếp đến nhà bà P tại số 132, ấp Thanh H, xã Thanh Đ, huyện Tân Châu để đặt vấn đề làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P (vì bà P có đất tại ấp Tân Cường, xã Tân Hà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh). Tại đây giữa bị cáo N và bà P thỏa thuận tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị O 30.000 m² số đất còn lại cấp đổi và cấp mới cho bà P với giá 8.000.000 đồng, thời gian thực hiện 02 tháng, bà P đưa cho bị cáo N 4.000.000 đồng số còn lại sẽ giao đủ khi làm xong công việc, nhưng đến hạn nhưng bị cáo N không thực hiện. Ngày 27/7/2016, anh Nguyễn Thành P có nhờ ông L là Chủ tịch xã xem giúp giải quyết sớm hồ sơ đất của bà P để vay vốn ngân hàng. Sau khi ông L, anh P, chị O và anh T (nhân viên đo đạc bản đồ 305) ăn tại quán Cây Điều xong, thì hôm sau bà P và chị O lên xã tiến hành ký vào các thủ tục, bị cáo N truy xuất kết quả đo đạc và hoàn tất hồ sơ và thuê xe ôm đem hồ sơ tách 30.000m² cho chị O, khoảng 2 ngày đến 3 ngày sau thì bà P nhận được sổ này do bị cáo N giao tại nhà, bà P có đưa cho bị cáo N 3.000.000 đồng. Sau khoảng thời gian này bị cáo làm tiếp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp đổi cho bà P của diện tích 17.193,1 m² (tăng diện tích so với giấy chứng nhận trước đây của bà P, việc tăng này trong biến động cho phép) và làm thủ tục cấp mới diện tích 4.406,7m² tăng so với thực tế phải tách thửa, bà P và chị O điện thoại nhiều lần yêu cầu bị cáo N giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bị cáo N không giao, ngày 10/02/2017 bà P là Tờ trình tố cáo bị cáo N tại Công an huyện Tân Châu. Ngày 07/3/2017 Công an làm việc chị Ngô Thị Thu D có liên quan đến bị cáo và mời bị cáo chiều ngày 08/3/2017 làm việc thì bị cáo N nhờ anh V là Công an viên xã lấy hồ sơ của diện tích đất 4.406,7 m² chưa làm xong và 7.000.000 đồng trả lại cho bà P.

[2.1] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo N và Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo N không phải là người có trách nhiệm làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; không thỏa thuận với bà P trong việc làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không nhận tiền ở thời điểm trước đây mà nhận tiền vào ngày 07/3/2017 có báo lãnh đạo Cơ quan và đã trả lại tiền cho bà P vào ngày 08/3/2017 là không phạm tội. Lời trình bày của bị cáo N và Luật sư không có căn cứ, bởi vì bị cáo N khai nhận tại tòa thời điểm này có rất đông dân đến trụ sở Ủy ban làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giữa bị cáo và bà P không quen biết, bị cáo lợi dụng chủ trương cấp đổi và đăng ký biến động, biết bà P có nhu cầu làm giấy chứng nhận nhanh để đáo nợ ngân hàng, trực tiếp cùng ông H đến nhà bà P thỏa thuận làm giấy, tại nhà bà P sau khi xem giấy phôi tờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị cáo N hứa hẹn sẽ làm nhanh thủ tục cấp đất cho bà P và bà P đưa cho bị cáo 4.000.000

đồng, tiền này bà P mượn của chị O, thỏa thuận và giao tiền có mặt ông H, nhưng bị cáo thừa nhận 400.000 đồng, ông H thì nhìn thấy khoảng 02 – 03 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. Đến khoảng đầu tháng 8/2016 bị cáo N làm xong hồ sơ tách sổ cho chị O nhận thêm 3.000.000 đồng nữa, số tiền này phù hợp với số tiền bị cáo đưa cho anh V trả lại cho bà P. Do lời khai của bị cáo chỉ nhận tại nhà bà P 400.000 đồng và nhận tại Ủy ban nhân dân xã 200.000 đồng tiền chi phí làm giấy đỏ là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Việc bị cáo N và Luật sư cho rằng bị cáo N Nhận tiền 7.000.000 vào sáng ngày 07/3/2017, có báo lãnh đạo và trả lại cho bà P là không phạm tội. Tại phiên tòa bị cáo trình bày sáng bà P và chị O đến Ủy ban nhân dân xã bổ sung hồ sơ có kem phong bì nhưng bị cáo nhiều công việc không kiểm tra, đến trưa sau khi ăn cơm trưa xong về kiểm tra lại phát hiện phong bì có 7.000.000 đồng loại tiền mệnh giá 500.000 đồng và có báo cho ông L biết bà P cho tiền uống cà phê nhưng không nói là bao nhiêu, đến chiều khoảng 14 giờ - 15 giờ khi ông L điện thoại hỏi bị cáo nhận phong bì bao nhiêu tiền thì bị cáo nói 7.000.000 đồng, ông L kêu mang trả lại cho bà P, nhưng bị cáo không trả mà bỏ tiền vào cặp táp mang về nhà đến trưa ngày 08/3/2017 bị cáo nhờ anh V vào phòng làm việc lấy hồ cấp đất diện tích 4.406,7 m² xuống thị trấn Tân Châu gặp bị cáo đưa 7.000.000 đồng trả cho bà P vì bị cáo đang bị Công an làm việc. Bị cáo khai nhận 7.000.000 đồng vào ngày 07/3/2017 là không có căn cứ vì bị cáo khai bà P đưa tiền bỏ vào phong bì thư, khi kiểm tra phát hiện tiền không lập biên bản tại cơ quan, giao nộp tại cơ quan hoặc giao nộp cho Công an xã tại đó để mời bà P trả lại mà mang về nhà cất giữ, bà P đưa tiền bỏ vào bì thư nhưng khi bị cáo N giao trả tiền lại không gói vào tờ giấy A4, có căn cứ xác định số 7.000.000 đồng bị cáo nhận trước ngày 07/3/2017.

Từ đó có căn cứ xác định bị cáo N là là công chức địa chính công tác tại UBND xã Tân Hà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao trực tiếp nhận của bà Trần Thị Ngọc P số tiền 7.000.000 đồng để thỏa thuận làm thủ tục về hồ sơ đất đai ở giai đoạn cấp xã thuộc trách nhiệm của bị cáo N theo yêu cầu của bà P, nhưng không thực hiện, nên đến ngày 10/02/2017, bà P làm Tờ tường trình tố cáo hành vi của N đến Công an huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Tội phạm đã hoàn thành tại thời điểm bị cáo chủ động thỏa thuận làm giấy đỏ với bà P và hoàn thành từ thời điểm bị cáo nhận tiền của bà P.

[2.3] Việc các Luật sư cho rằng: Tờ tường trình của bà P nộp tại Công an không mang nội dung tố cáo. Ngày 07/3/2017 bị cáo N có hợp hay không không liên quan đến việc chứng minh bị cáo N phạm tội; tố cáo ngày 10/02/2017 nhưng bà P thường xuyên liên lạc với bị cáo N. Tố cáo ngày 10/02/2017 nhưng 02 tháng sau mới

khởi tố vụ án là vi phạm thủ tục tố tụng, bị cáo nếu theo Cáo trạng thì phải truy tố bị cáo N phạm tội theo điểm đ khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự, phạm tội 02 lần trở lên; Địa chính xã không có nhiệm vụ làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P mà việc này do Văn phòng đăng ký đất đai.

Qua kiểm tra, nghiên cứu hồ sơ xét thấy do bị cáo N không làm đúng theo thỏa thuận với bà P, kéo dài việc làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tiêu đề là tờ trình nhưng nội dung mang tính tố cáo. Ngày 07/3/2017 bị cáo N không có họp nhưng nhắn tin là bận họp chứng tỏ bị cáo cố tình kéo dài thời gian không thực hiện đúng như thỏa thuận. Ngày 10/02/2017 bà P làm đơn tố cáo nhưng bà P thường xuyên liên lạc với bị cáo N là do thời gian lâu mà không giao giấy đất cho bà P, liên lạc bình thường như công dân liên hệ công việc mà bị cáo N đang phải thực hiện. Ngày 10/02/2017 làm đơn tố cáo nhưng 02 tháng sau mới khởi tố vụ án bởi vì theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự khi nhận tin báo phải có thời gian xác minh tin báo, làm rõ có tội phạm xảy ra mới khởi tố vụ án nên không vi phạm thủ tục tố tụng. Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo là cùng một công việc thỏa thuận trước là bị cáo N làm xong tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P với giá 8.000.000 đồng, việc giao tiền nhiều lần cũng nhằm vào thực hiện thỏa thuận làm việc đó, nên không thể xử lý bị cáo theo điểm đ khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự. Còn việc luật sư cho rằng bị cáo N là địa chính xã không quyền có cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà việc này thuộc về Văn phòng đăng ký đất đai, nhưng tại phiên tòa bị cáo N và ông L là Chủ tịch xã xác nhận hồ sơ đất khi có yêu cầu của dân thì cán bộ địa chính xã có nhiệm vụ phải xác nhận tình trạng đất có trang chấp hay không, có biến động, chuyển đổi, xác định tứ cận, dạng đất thừa kế, sang nhượng, tặng cho, cấp đổi hay cấp mới, nếu xã không thực hiện khâu này thì không thể thực hiện các thủ tục tiếp theo. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến bào chữa đối với luật sư.

[2.4] Luật sư cho rằng trong vụ án còn bỏ lọt tội phạm, phải truy tố bà P và chị O về tội “Đưa hối lộ” theo điểm a khoản 2 Điều 364 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bà P đưa tiền cho bị cáo N 02 lần 7.000.000 đồng để làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do bà P là dân lao động, không biết làm các thủ tục hành chính, bệnh nặng đi lại khó khăn, sau khi đưa tiền đã chủ động tố giác hành vi phạm tội của bị cáo N trước khi vụ án được phát hiện. Từ vụ án này các Cơ quan hành chính đã chấn chỉnh việc làm hồ sơ cấp đất thông qua trung gian, môi giới có hạn chế, cho nên việc không xử lý hình sự đối với bà P, chị O là có căn cứ.

Từ những nhận định trên xác định hành vi của bị cáo N đã cấu thành tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật Hình sự. Quyết định truy

tổ của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh truy tố đối với bị cáo Đặng Hoàng N là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của Cơ quan nhà nước (Ủy ban nhân dân xã Tân Hà), xâm phạm trật tự quản lý hành chính nhà nước về lĩnh vực đất đai, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với hiệu lực quản lý nhà nước, xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, gây ảnh hưởng tiêu cực nhiều mặt trong đời sống xã hội. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra.

Khi quyết định hình phạt có xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo: Bị cáo có cha, mẹ có thời gian làm việc, đóng góp công sức tại địa phương; bản thân bị cáo có thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc, tham gia công tác ở địa phương; bị cáo tự giao nộp lại đủ số tiền nhận hối lộ là thể hiện sự ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tình tiết tăng nặng: Không.

Hành vi phạm tội của bị cáo N cần phải bị xử phạt tù và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo đủ điều kiện cải tạo, giáo dục thành người có ích cho xã hội và đồng thời mới có tác dụng giáo dục, răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên bị cáo tự nguyện nộp số tiền nhận hối lộ 7.000.000 đồng thể hiện biết việc làm sai trái, thể hiện sự ăn năn hối cải, giá trị tài sản nhận hối lộ không lớn. Tại phiên tòa ông L đại diện Ủy ban nhân dân xã Tân Hà không yêu cầu gì, bà P và chị O cũng muốn xử lý nghiêm đối với bị cáo. Do đó áp dụng hình phạt tù cho bị cáo N bằng với thời gian tạm giữ, tạm giam cũng đủ tính răn đe và phòng ngừa.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5, Điều 354 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung đối với bị cáo Đặng Hoàng N là cấm bị cáo làm công tác địa chính trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Đối với ông Đào Ngọc H là người giới thiệu N cho bà P để làm thủ tục về hồ sơ đất đai cho bà P không vì lợi ích vật chất, nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Châu không xử lý là có căn cứ.

Ông Nguyễn Việt C khai đã đưa cho N 10.000.000 đồng; bà Ngô Thị Thu D khai đưa cho N 2.000.000 đồng để làm hồ sơ đất đai, nhưng cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Châu trong quá trình điều tra không thu thập được chứng cứ để chứng minh, nên không có căn cứ để xử lý đối với Đặng Hoàng N.

[4] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền Việt Nam 7.000.000 đồng của bà P đã đưa cho N là vật chứng của vụ án cần phải tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Bản phô tô hồ sơ liên quan đến đất đai thu giữ của Ngô Thị Thu D; 02 đĩa DVD ghi lại hình ảnh và nội dung làm việc với bà Trần Thị Ngọc P và ông Đào Ngọc H; 01 đĩa DVD ghi hình nội dung thực nghiệm điều tra lưu vào hồ sơ vụ án để làm chứng cứ.

Do bị cáo không phải thi hành hình phạt bổ sung bằng tiền hay bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả nên hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số 05/L, ngày 24/9/2017 và biên bản kê biên tài sản ngày 25/9/2017 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đối với bị cáo Đặng Hoàng N.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đặng Hoàng N 01 (một) năm 05 (năm) tháng 25 (hai mươi lăm) ngày tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/8/2017.

Áp dụng khoản 5 Điều 354 Bộ luật Hình sự: Cấm bị cáo Đặng Hoàng N làm công tác địa chính trong thời hạn 03 (ba) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Số tiền Việt Nam 7.000.000 (bảy triệu) đồng của bà P đã đưa cho N là vật chứng của vụ án tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Bản phô tô hồ sơ liên quan đến đất đai thu giữ của Ngô Thị Thu D; 02 đĩa DVD ghi lại hình ảnh và nội dung làm việc với bà Trần Thị Ngọc P và ông Đào Ngọc H; 01 đĩa DVD ghi hình nội dung thực nghiệm điều tra lưu vào hồ sơ vụ án để làm chứng cứ.

Hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số 05/L, ngày 24-9-2017 và biên bản kê biên tài sản ngày 25-9-2017 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đối với bị cáo Đặng Hoàng N.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 98, 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Đặng Hoàng N phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- CCTHADS huyện Tân Châu;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- THA phạt tù;
- CQ điều tra CA huyện Tân Châu;
- Sở tư pháp;
- Nhà tạm giữ CA huyện Tân Châu.
- VP Công an huyện Tân Châu;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Văn Cường